

Sơn La, ngày tháng năm 2026

## KẾ HOẠCH

### Lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2025 - 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2026 của UBND tỉnh)

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về quy hoạch đô thị và nông thôn đảm bảo kịp thời, thống nhất theo các quy định của pháp luật và tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về quy hoạch, đất đai, trật tự xây dựng; đảm bảo phù hợp với sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và định hướng phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

- Xác định cụ thể nội dung nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thực hiện, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các sở, ngành, UBND các xã, phường, các đơn vị có liên quan trong tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn; ưu tiên bố trí nguồn kinh phí hàng năm triển khai các quy hoạch đô thị và nông thôn trong phạm vi quản lý theo quy định.

### 2. Yêu cầu

- Các nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, thống nhất, đáp ứng các yêu cầu, mục tiêu đề ra và theo đúng quy định của pháp luật, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

- Đảm bảo sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn giải quyết vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình triển khai Kế hoạch nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

## II. NỘI DUNG, TIẾN ĐỘ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

### 1. Nội dung, tiến độ thực hiện

Kế hoạch lập quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2025 - 2030 (75 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 67 xã và 08 phường) được xác định như sau:

1.1. Các xã, phường cần lập quy hoạch chung: *Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo.*

1.2. Các xã, phường không phải lập quy hoạch chung: *Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo.*

1.3. Các quy hoạch đô thị và nông thôn do cơ quan cấp tỉnh lập: *Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo.*

**2. Kinh phí thực hiện:** Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Tài chính**

- Tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, phân bổ kinh phí cho UBND các xã, phường, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch này, bảo đảm kịp thời, hiệu quả, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện quy hoạch theo quy định.

#### **2. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Xây dựng, ban hành kế hoạch tổ chức lập quy hoạch trên địa bàn theo thẩm quyền, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và yêu cầu tiến độ đề ra.

- Chủ động đề xuất, cân đối dự toán, bố trí kinh phí trong nguồn ngân sách hàng năm được phân bổ và huy động các nguồn kinh phí hỗ trợ khác theo đúng quy định của pháp luật để tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

#### **3. Sở Xây dựng**

- Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch, bảo đảm tiến độ, chất lượng và tuân thủ các quy định của pháp luật. Định kỳ (*vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng*) tổng hợp tiến độ lập Quy hoạch chung của các xã, phường để báo cáo UBND tỉnh.

- Chủ trì, thường xuyên nắm bắt, tổng hợp khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường để kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ (*trường hợp vượt thẩm quyền tham mưu với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo*)./.

**Phụ lục số 01: Tổng hợp danh sách các xã, phường tổ chức lập Quy hoạch chung**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị hành chính cấp xã	Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	Dân số (người)	Phương án lập quy hoạch	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)	Cơ quan tổ chức lập	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thẩm định	Cơ quan phê duyệt	Thời gian thực hiện
1	Xã Chiềng La	126,13	20.373	Lập quy hoạch chung xã	950	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
2	Xã Nậm Lầu	247,63	18.095	Lập quy hoạch chung xã	900	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
3	Xã Muối Nọi	128,70	15.633	Lập quy hoạch chung xã	800	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
4	Xã Mường Khiêng	204,20	24.570	Lập quy hoạch chung xã	1.000	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
5	Xã Co Mạ	214,28	14.560	Lập quy hoạch chung xã	850	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
6	Xã Bình Thuận	121,78	17.128	Lập quy hoạch chung xã	900	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
7	Xã Mường É	139,91	14.858	Lập quy hoạch chung xã	800	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
8	Xã Long Hẹ	158,40	8.597	Lập quy hoạch chung xã	700	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
9	Xã Mường Bám	76,16	10.731	Lập quy hoạch chung xã	750	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026

TT	Đơn vị hành chính cấp xã	Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	Dân số (người)	Phương án lập quy hoạch	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)	Cơ quan tổ chức lập	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thẩm định	Cơ quan phê duyệt	Thời gian thực hiện
10	Xã Mường Bú	213,65	25.284	Lập quy hoạch chung đô thị, cập nhật kế thừa quy hoạch chung đô thị trước đây	3.620	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
11	Xã Chiềng Hoa	296,48	17.644	Lập quy hoạch chung xã	750	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
12	Xã Bắc Yên	195,23	21.825	Lập quy hoạch chung đô thị, cập nhật kế thừa quy hoạch chung đô thị trước đây	3.900	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
13	Xã Tạ Khoa	191,88	15.522	Lập quy hoạch chung xã	850	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
14	Xã Xím Vàng	232,35	7.596	Lập quy hoạch chung xã	700	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
15	Xã Pắc Ngà	122,59	13.274	Lập quy hoạch chung xã	800	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
16	Xã Chiềng Sại	124,55	6.720	Lập quy hoạch chung xã	700	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
17	Xã Gia Phù	111,32	21.929	Lập quy hoạch chung đô thị, cập nhật kế thừa quy hoạch chung đô thị trước đây	3.500	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
18	Xã Tường Hạ	120,85	14.076	Lập quy hoạch chung xã	850	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
19	Xã Mường Cơi	194,98	19.557	Lập quy hoạch chung xã	900	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026

TT	Đơn vị hành chính cấp xã	Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	Dân số (người)	Phương án lập quy hoạch	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)	Cơ quan tổ chức lập	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thẩm định	Cơ quan phê duyệt	Thời gian thực hiện
20	Xã Mường Bang	270,15	12.831	Lập quy hoạch chung xã	800	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
21	Xã Tân Phong	135,45	6.787	Lập quy hoạch chung xã	700	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
22	Xã Kim Bon	104,51	9.873	Lập quy hoạch chung xã	800	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
23	Xã Suối Tọ	177,49	6.343	Lập quy hoạch chung xã	700	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
24	Xã Chiềng Hặc	239,91	18.721	Lập quy hoạch chung xã	800	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
25	Xã Lóng Phiêng	147,81	11.152	Lập quy hoạch chung xã	800	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
26	Xã Yên Sơn	116,62	12.614	Lập quy hoạch chung xã	850	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
27	Xã Phiêng Khoài	103,77	12.424	Lập quy hoạch chung đô thị, cập nhật kế thừa quy hoạch chung đô thị trước đây	2.330	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
28	Xã Chiềng Mai	151,85	23.786	Lập quy hoạch chung xã	1.000	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
29	Xã Mai Sơn	164,40	52.361	Lập quy hoạch chung đô thị, cập nhật kế thừa quy hoạch chung đô thị trước đây	4.500	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026

TT	Đơn vị hành chính cấp xã	Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	Dân số (người)	Phương án lập quy hoạch	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)	Cơ quan tổ chức lập	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thẩm định	Cơ quan phê duyệt	Thời gian thực hiện
30	Xã Phiêng Pần	320,65	24.685	Lập quy hoạch chung xã	1.050	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
31	Xã Chiềng Mung	142,14	27.797	Lập quy hoạch chung đô thị, cập nhật kế thừa quy hoạch chung đô thị trước đây	3.500	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
32	Xã Phiêng Cầm	280,33	14.459	Lập quy hoạch chung xã	900	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
33	Xã Mường Chanh	101,47	11.275	Lập quy hoạch chung xã	850	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
34	Xã Tà Hộc	149,56	13.692	Lập quy hoạch chung xã	900	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
35	Xã Chiềng Sung	109,28	14.171	Lập quy hoạch chung xã	900	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
36	Xã Bó Sinh	153,83	16.461	Lập quy hoạch chung xã	950	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
37	Xã Chiềng Khương	149,82	18.712	Lập quy hoạch chung đô thị, cập nhật kế thừa quy hoạch chung đô thị trước đây	3.500	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
38	Xã Mường Hung	226,09	24.613	Lập quy hoạch chung xã	1.050	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
39	Xã Chiềng Khoong	253,87	23.222	Lập quy hoạch chung xã	1.000	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026

TT	Đơn vị hành chính cấp xã	Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	Dân số (người)	Phương án lập quy hoạch	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)	Cơ quan tổ chức lập	Cơ quan phối hợp	Cơ quan thẩm định	Cơ quan phê duyệt	Thời gian thực hiện
40	Xã Mường Lằm	167,10	15.647	Lập quy hoạch chung xã	850	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
41	Xã Nậm Ty	201,89	16.679	Lập quy hoạch chung xã	900	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
42	Xã Huổi Một	240,66	12.349	Lập quy hoạch chung xã	850	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
43	Xã Chiềng Sơ	140,31	17.145	Lập quy hoạch chung xã	900	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
44	Xã Púng Bính	364,64	17.264	Lập quy hoạch chung xã	850	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
45	Xã Mường Lạn	264,89	10.901	Lập quy hoạch chung xã	800	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
46	Xã Mường Lèo	375,76	4.277	Lập quy hoạch chung xã	600	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2025-2026
47	Xã Thuận Châu	132,83	46.958	Lập quy hoạch chung đô thị, cập nhật kế thừa quy hoạch chung đô thị trước đây	3.500	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2027-2028
48	Xã Sốp Cộp	466,95	24.086	Lập quy hoạch chung đô thị, cập nhật kế thừa quy hoạch chung đô thị trước đây	4.600	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2027-2028
49	Xã Sông Mã	105,99	26.179	Lập quy hoạch chung đô thị, cập nhật kế thừa quy hoạch chung đô thị trước đây	1.100	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2027-2028

<b>TT</b>	<b>Đơn vị hành chính cấp xã</b>	<b>Diện tích tự nhiên (km<sup>2</sup>)</b>	<b>Dân số (người)</b>	<b>Phương án lập quy hoạch</b>	<b>Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)</b>	<b>Cơ quan tổ chức lập</b>	<b>Cơ quan phối hợp</b>	<b>Cơ quan thẩm định</b>	<b>Cơ quan phê duyệt</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
50	Xã Phù Yên	117,98	47.299	Lập quy hoạch chung đô thị, cập nhật kế thừa quy hoạch chung đô thị trước đây	3.500	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2027-2028
51	Xã Yên Châu	246,55	33.061	Lập quy hoạch chung đô thị, cập nhật kế thừa quy hoạch chung đô thị trước đây	4.500	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2027-2028
52	Xã Tà Xùa	233,67	11.199	Lập quy hoạch chung xã, cập nhật kế thừa quy hoạch chung trước đây	800	UBND xã	Các ngành, đơn vị liên quan	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2027-2028

**Phụ lục số 02: Tổng hợp các xã, phường không tổ chức lập Quy hoạch chung**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị hành chính cấp xã	Diện tích tự nhiên (km <sup>2</sup> )	Dân số (người)	Phương án thực hiện quy hoạch	Ghi chú
1	Phường Tô Hiệu	11,92	51.293	Thực hiện theo Quy hoạch chung đô thị Sơn La	
2	Phường Chiềng An	149,08	20.322	Thực hiện theo Quy hoạch chung đô thị Sơn La	
3	Phường Chiềng Cơi	93,56	22.694	Thực hiện theo Quy hoạch chung đô thị Sơn La	
4	Phường Chiềng Sinh	68,40	27.099	Thực hiện theo Quy hoạch chung đô thị Sơn La	
5	Phường Mộc Châu	167,62	21.087	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia Mộc Châu	
6	Phường Mộc Sơn	37,88	15.025	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia Mộc Châu	
7	Phường Vân Sơn	39,61	15.917	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia Mộc Châu	
8	Phường Thảo Nguyên	53,09	22.479	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia Mộc Châu	
9	Xã Đoàn Kết	240,66	17.938	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia Mộc Châu	
10	Xã Lóng Sập	211,30	9.629	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia Mộc Châu	
11	Xã Chiềng Sơn	204,90	14.155	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia Mộc Châu	
12	Xã Tân Yên	192,79	18.380	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia Mộc Châu	
13	Xã Vân Hồ	268,40	24.998	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia Mộc Châu	

<b>TT</b>	<b>Đơn vị hành chính cấp xã</b>	<b>Diện tích tự nhiên (km<sup>2</sup>)</b>	<b>Dân số (người)</b>	<b>Phương án thực hiện quy hoạch</b>	<b>Ghi chú</b>
14	Xã Song Khùa	192,45	15.845	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia Mộc Châu	
15	Xã Tô Múa	181,98	14.701	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia Mộc Châu	
16	Xã Xuân Nha	263,37	10.127	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia Mộc Châu	
17	Xã Ngọc Chiến	212,19	12.021	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia lòng hồ thủy điện Sơn La	
18	Xã Mường Sại	122,94	9.557	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia lòng hồ thủy điện Sơn La	
19	Xã Mường Chiên	382,2	14.028	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia lòng hồ thủy điện Sơn La	
20	Xã Mường Giôn	290,54	16.145	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia lòng hồ thủy điện Sơn La	
21	Xã Quỳnh Nhai	244,31	30.554	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia lòng hồ thủy điện Sơn La	
22	Xã Mường La	341,86	32.712	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia lòng hồ thủy điện Sơn La	
23	Xã Chiềng Lao	358,55	21.010	Thực hiện theo Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia lòng hồ thủy điện Sơn La	

**Phụ lục số 03: Tổng hợp các Quy hoạch đô thị và nông thôn do cơ quan cấp tỉnh tổ chức lập**  
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

<b>TT</b>	<b>Tên quy hoạch</b>	<b>Quy mô (ha)</b>	<b>Kinh phí (Triệu đồng)</b>	<b>Cơ quan tổ chức lập</b>	<b>Cơ quan thẩm định</b>	<b>Cơ quan phê duyệt</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
1	Quy hoạch chung Khu du lịch quốc gia lòng hồ thủy điện Sơn La đến năm 2050	195.259	16.000	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2026-2027
2	Quy hoạch chi tiết cửa khẩu chính Chiềng Khương, tỉnh Sơn La	14	1.200	Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2026-2027
3	Các quy hoạch phân khu chức năng (thuộc địa giới 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên)	2.000	6.500	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2026-2030
4	Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Sơn La, tỉnh Sơn La đến năm 2050	32.296	8.000	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	UBND tỉnh	2027-2029

## Phụ lục số 04: Danh mục các Quy hoạch đô thị và nông thôn hết hiệu lực

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Tên quy hoạch	Quyết định phê duyệt quy hoạch	Lý do hết hiệu lực
1	Quy hoạch chung xây dựng đô thị mới Phiêng Khoài, huyện Yên Châu, giai đoạn 2016-2025	Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của UBND tỉnh	Theo quy định tại khoản 21 Điều 2 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024
2	Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2030	Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của UBND tỉnh	Theo quy định tại khoản 21 Điều 2, điểm a khoản 2 Điều 8 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024. Thực hiện theo Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2045 phê duyệt tại Quyết định số 3467/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh
3	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu dân cư, dịch vụ, du lịch sinh thái thuộc Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh	Theo quy định tại khoản 21 Điều 2, điểm a khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 25 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024. Khu vực quy hoạch thực hiện theo Quy hoạch phân khu số 3, đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh
4	Quy hoạch phân khu Khu bảo tồn hệ sinh thái nông nghiệp đặc trưng huyện Mộc Châu	Quyết định số 2031/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh	Theo quy định tại khoản 21 Điều 2, điểm a khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 25 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024. Khu vực quy hoạch thực hiện theo Quy hoạch phân khu số 2, đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 2117/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh và Quy hoạch phân khu số 3, đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh
5	Quy hoạch phân khu Trung tâm thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh	Theo quy định tại khoản 21 Điều 2, điểm a khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 25 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024. Khu vực quy hoạch thực hiện theo Quy hoạch phân khu số 1, đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh
6	Quy hoạch phân khu Trung tâm thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh	Theo quy định tại khoản 21 Điều 2, điểm a khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 25 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024. Khu vực quy hoạch thực hiện theo Quy hoạch phân khu số 1, đô thị Mộc Châu, tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh